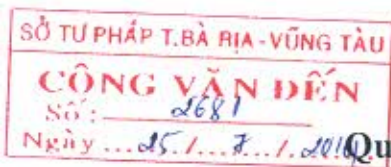


Số: 12 /2014/NQ-HĐND

Bà Rịa, ngày 17 tháng 7 năm 2014



NGHỊ QUYẾT

Quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2014-2015

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2005 ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014-2015; Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015; Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/5/2014 của liên Bộ Giáo dục-Đào tạo, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và Nghị định 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 04/7/2014 của UBND tỉnh đề nghị phê duyệt Quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

từ năm học 2013-2014 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 89/BC-VHXH ngày 11/7/2014 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2014-2015 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cụ thể như sau.

1. Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập:

a.) Đối tượng không phải đóng học phí:

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 30/5/2014 của liên Bộ Giáo dục-Đào tạo, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 -2011 đến năm học 2014-2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH).

b.) Đối tượng được miễn học phí:

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH.

c.) Bổ sung đối tượng được miễn học phí:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên có cha mẹ thường trú tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con hộ nghèo theo chuẩn Quốc gia và chuẩn của tỉnh.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân.

- Trẻ em học mẫu giáo, học sinh, sinh viên có cha mẹ thường trú tại huyện Côn Đảo.

d) Đối tượng được giảm học phí:

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

đ) Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

e) Bổ sung đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân.

- Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Côn Đảo.

2. Kinh phí thực hiện:

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả chế độ cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:

Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

4. Quy định mức thu học phí:

a) Về mức thu:

- Thực hiện mức thu học phí năm học 2014-2015 như quy định tại Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 22/7/2011 của HĐND tỉnh và Quyết định số 45/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của UBND tỉnh.

- Từ năm học 2015-2016 trở đi mức thu học phí thực hiện như mức thu áp dụng cho năm học 2014-2015, quy định tại Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 22/7/2011 của HĐND tỉnh và Quyết định số 45/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của UBND tỉnh.

- Trong quá trình thực hiện, nếu mức trượt giá tăng quá 20% (tính từ ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành), UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, phê chuẩn quy định mức thu học phí mới.

- Các mức thu học phí trên áp dụng cho các đối tượng là học sinh, sinh viên thuộc diện đào tạo trong chỉ tiêu ngân sách nhà nước; đồng thời phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

b) Thời điểm áp dụng: Từ năm học 2014-2015.

Những nội dung khác của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Nghị định 74/2013/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH được áp dụng thực hiện trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định tại các Nghị định và Thông tư này.

Điều 2. Giao cho UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị Quyết này đã được HĐND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Khóa V, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 17/7/2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua và thay thế Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 22/7/2011 của HĐND tỉnh Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015./.

Nơi nhận: 

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Giáo dục-Đào tạo, Bộ Tài chính ;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- TTr. HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr HĐND và UBND các H-TP thuộc tỉnh;
- Trung tâm Công báo & Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, CT.HĐND/10.7.204/H2



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh



Phụ lục
MỨC THU HỌC PHÍ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 17/7/2014 của HĐND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

1. Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông năm học 2013-2014, năm học 2014-2015 và cho đến khi Chính phủ ban hành chế độ mới như sau:

Đơn vị: ngàn đồng/tháng/học sinh

STT	Cấp học	Nông thôn	Thành thị
1	Nhà trẻ	50	80
2	Mẫu giáo 1 buổi	20	40
3	Mẫu giáo 2 buổi, bán trú	30	70
4	Trung học cơ sở	30	40
5	Trung học phổ thông	40	60
6	BT trung học cơ sở	30	50
7	THPT hệ Giáo dục thường xuyên	60	80

2. Mức thu học phí đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thông năm học 2013-2014, năm học 2014-2015 và cho đến khi Chính phủ ban hành chế độ mới như sau:

a) Đào tạo trình độ Trung cấp chuyên nghiệp:

Đơn vị: ngàn đồng/tháng/học sinh

STT	Nhóm ngành	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015	Từ Năm học 2015 – 2016 cho đến khi Chính phủ ban hành chế độ mới
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	270	310	310
2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn; du lịch.	320	360	360
3	Y dược	480	560	560

b) Đào tạo trình độ Cao đẳng:

Đơn vị: ngàn đồng/tháng/học sinh, sinh viên

STT	Nhóm ngành	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015	Từ Năm học 2015 – 2016 cho đến khi Chính phủ ban hành chế độ mới
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	310	350	350
2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn; du lịch.	360	420	420

c) Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề:

Đơn vị: ngàn đồng/tháng/học sinh, sinh viên

STT	Trình độ	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015	Từ Năm học 2015 – 2016 cho đến khi Chính phủ ban hành chế độ mới
1	Trung cấp nghề	240	250	250
2	Cao đẳng nghề	260	280	280